



**CÔNG TY CỔ PHẦN
IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT**
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách giáo khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000201 ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/10/2013 với số mã số doanh nghiệp là 0400459486.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là HTP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 18.049.800.000 đồng.
Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2016: 18.049.800.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0511. 3841257
- Fax: (84) 0511. 3841258
- Website: www.inhoaphat.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- In ấn: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất các loại sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Sản xuất các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm; Bán buôn vật tư thiết bị ngành in; Bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục; Nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Hoạt động xuất bản khác: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn sách;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà và dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 74 người, trong đó nhân viên gián tiếp là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 04/03/2014 |
| • Ông Phan Quang Thân | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 02/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 02/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02/03/2014 |
| • Bà Đinh Châu Tâm Hạnh | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 02/03/2014 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-----------------------------|------------|--|
| • Ông Hồ Phú Cường | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 04/03/2014 |
| • Ông Bùi Văn Hiệp | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02/03/2014 |
| • Ông Tôn Thất Điều | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 1/4/2016 |
| • Ông Nguyễn Phước Cao Hùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 02/03/2014
Miễn nhiệm ngày 01/04/2016 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Thanh Tùng | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 07/06/2014 |
| • Ông Nguyễn Như Việt | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 04/03/2014 |
| • Bà Đinh Châu Tâm Hạnh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 04/03/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 08 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 809/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, được lập ngày 24/07/2016 của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.171.378.705	16.447.549.727
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.883.341.449	1.619.975.892
1. Tiền	111		1.283.341.449	219.975.892
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.600.000.000	1.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	1.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6a	1.000.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.460.301.333	12.860.274.262
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7a	2.298.675.099	2.713.352.310
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	65.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	10.076.183.229	10.076.183.229
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	131.288.520	50.594.805
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(45.845.515)	(44.856.082)
IV. Hàng tồn kho	140	11	827.735.923	967.299.573
1. Hàng tồn kho	141		827.735.923	967.299.573
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.458.396.659	5.366.310.840
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.729.573.254	4.634.310.352
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.120.433.254	4.025.170.352
- Nguyên giá	222		25.076.033.415	24.949.304.415
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.955.600.161)	(20.924.134.063)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	609.140.000	609.140.000
- Nguyên giá	228		609.140.000	609.140.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6b	720.774.570	715.816.290
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		753.236.943	756.363.143
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(32.462.373)	(40.546.853)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.048.835	16.184.198
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	8.048.835	16.184.198
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		22.629.775.364	21.813.860.567

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.769.200.610	1.563.644.695
I. Nợ ngắn hạn	310		2.769.200.610	1.563.644.695
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15a	813.378.816	574.266.684
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.136.547	213.827
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	374.467.069	162.254.194
4. Phải trả người lao động	314		1.270.034.196	661.831.279
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	243.704.752	165.078.711
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		62.479.230	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.860.574.754	20.250.215.872
I. Vốn chủ sở hữu	410		19.860.574.754	20.250.215.872
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	18.049.800.000	18.049.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.049.800.000	18.049.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(60.093.500)	(60.093.500)
3. Cổ phiếu quỹ	415	18	(914.353.746)	(914.353.746)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	1.914.347.993	1.914.347.993
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	870.874.007	1.260.515.125
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		26.330.125	117.876.928
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		844.543.882	1.142.638.197
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		22.629.775.364	21.813.860.567



Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng

Đình Châu Tâm Hạnh

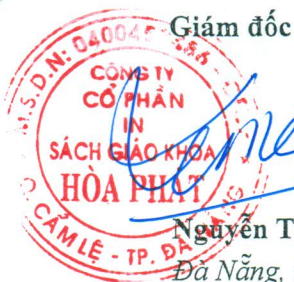
Người lập biểu

Lê Quang Đình Thạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	7.905.509.506	8.639.229.583
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	19	7.905.509.506	8.639.229.583
4. Giá vốn hàng bán	11	20	6.442.756.558	6.668.308.400
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		1.462.752.948	1.970.921.183
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	542.708.902	572.569.832
7. Chi phí tài chính	22	22	(8.075.840)	(12.662.525)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	23a	10.124.590	23.721.928
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23b	1.263.508.568	1.355.079.278
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		739.904.532	1.177.352.334
11. Thu nhập khác	31	24	352.419.441	15.058.989
12. Chi phí khác	32	25	43.047.194	42.944.251
13. Lợi nhuận khác	40		309.372.247	(27.885.262)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.049.276.779	1.149.467.072
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	204.732.897	239.425.305
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		844.543.882	910.041.767
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	513	553
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	513	553

Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng

Đình Châu Tâm Hạnh

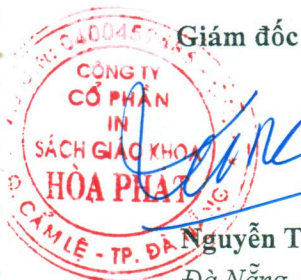
Người lập biểu

Lê Quang Đình Thạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		8.744.970.731	9.771.774.697
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(2.467.301.046)	(3.652.326.895)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.173.535.323)	(3.322.311.088)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(164.619.606)	(67.296.745)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.042.882.595	218.573.894
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.331.862.307)	(657.333.891)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.650.535.044	2.291.079.972
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12	(435.000.000)	-
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	24	154.545.455	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(58.014.675)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	6b, 21	4.800.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7a, 21	121.173.808	807.959.485
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(154.480.737)	749.944.810
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	17, 18d	(1.232.688.750)	(1.314.868.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.232.688.750)	(1.314.868.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.263.365.557	1.726.156.782
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.619.975.892	1.356.374.881
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		2.883.341.449	3.082.531.663



Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 07 năm 2016

Kế toán trưởng

Đình Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu

Lê Quang Đình Thạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ
Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách giáo khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000201 ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24/10/2013 với mã số doanh nghiệp là 0400459486.

Công ty đã được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã chứng khoán là HTP. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 14/12/2006.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In ấn sách và ấn phẩm.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất các loại sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Sản xuất các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm; Bán buôn vật tư thiết bị ngành in; Bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục; Nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Hoạt động xuất bản khác: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn sách;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh nhà và dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 (bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Việc lập dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu.
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc, thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải	10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không thực hiện khấu hao.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.10 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.11 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính phát sinh tại Công ty là hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động in ấn, cắt rọc;
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2016	01/01/2016
Tiền mặt	37.203.032	29.797.637
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.246.138.417	190.178.255
Tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)	1.600.000.000	1.400.000.000
Cộng	<u>2.883.341.449</u>	<u>1.619.975.892</u>

6. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng theo 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng tiền gửi số 01/06/256907/HĐTĐ ngày 08/06/2012 với số tiền: 500.000.000 đồng, kỳ hạn gửi là 12 tháng, vào ngày đến hạn thì toàn bộ số tiền gửi sẽ được chuyển sang một kỳ hạn mới tương ứng với lãi suất hiện hành đến hạn. Đến ngày 08/06/2016, Công ty không rút số vốn trên nên toàn bộ số tiền gửi đã được chuyển sang kỳ hạn mới với lãi suất 6%/năm.
- Hợp đồng tiền gửi số 04/06/256907/HĐTĐ ngày 10/06/2014 với số tiền: 500.000.000 đồng, kỳ hạn gửi là 6 tháng, lãi suất tiền gửi là 5,7%/năm. Đến ngày 10/06/2016, Công ty không rút số vốn trên nên toàn bộ số tiền gửi đã được chuyển sang kỳ hạn mới với lãi suất 5,3%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2016				01/01/2016			
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Công ty CP Sách - TBTH TP. HCM (STC) (i)	23.700	370.462.700	-	580.650.000	23.900	373.588.900	-	554.480.000
- Công ty CP Sách giáo dục tại TP Hà Nội (EBS) (i)	308	7.414.800	4.704.400	2.710.400	308	7.414.800	4.920.000	2.494.800
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng (DAD) (i)	5.700	117.553.675	17.803.675	99.750.000	5.700	117.553.675	20.653.675	96.900.000
- Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội (EID) (i)	3.700	45.986.888	-	50.690.000	3.700	45.986.888	-	51.800.000
- Công ty CP Sách - TBTH Quảng Ngãi (ii)	6.000	60.000.000	9.954.298	-	6.000	60.000.000	9.954.298	-
- Công ty CP Sách - TBGD Miền Trung (ii)	3.000	30.000.000	-	-	3.000	30.000.000	-	-
- Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng (DAE) (i)	8.000	121.818.880	-	124.800.000	8.000	121.818.880	5.018.880	116.800.000
Cộng		753.236.943	32.462.373			756.363.143	40.546.853	

- (i) Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là chênh lệch giữa giá gốc và giá đóng cửa của các cổ phiếu này tại phiên cuối cùng của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016 với số lượng các cổ phiếu Công ty đang nắm giữ.
- (ii) Cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm 30/06/2016. Do đó, giá trị của cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng. Công ty cũng không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu của khách hàng

a) Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	670.453.322	236.592.028
NXB Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	828.121.374	1.700.764.780
Công ty CP Đầu tư và PTGD tại Đà Nẵng	-	315.877.345
Các đối tượng khác	800.100.403	460.118.157
Cộng	<u>2.298.675.099</u>	<u>2.713.352.310</u>

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV NXBGD VN	670.453.322	236.592.028
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	828.121.374	1.700.764.780
Công ty CP Sách giáo dục tại TP Đà Nẵng	203.855.565	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	-	315.877.345
Cộng	<u>1.702.430.261</u>	<u>2.253.234.153</u>

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	10.076.183.229	10.076.183.229
Cộng	<u>10.076.183.229</u>	<u>10.076.183.229</u>

(*) Công ty cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo nhiều hợp đồng và phụ lục hợp đồng khác nhau. Thời hạn cho vay: 12 tháng. Lãi suất cho vay: thỏa thuận. Vào ngày đến hạn thì số tiền cho vay có thể được chuyển sang một kỳ hạn mới tương ứng với lãi suất thỏa thuận của 2 bên.

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ phần hóa	1.000.000	-	1.200.000	-
Tạm ứng	83.447.950	-	21.573.150	-
Phải thu khác	46.840.570	-	27.821.655	-
Cộng	<u>131.288.520</u>	<u>-</u>	<u>50.594.805</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2016	01/01/2016
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:		
- Từ 3 năm trở lên	42.382.500	42.382.500
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.463.015	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	2.473.582
Cộng	45.845.515	44.856.082

11. Hàng tồn kho

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	650.353.746	-	786.867.905	-
Chi phí SX, KD dở dang	44.971.102	-	113.178.939	-
Hàng hóa	132.411.075	-	67.252.729	-
Cộng	827.735.923	-	967.299.573	-

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 30/06/2016.
- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng/khó/chậm tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2016.

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu kỳ	5.704.591.937	18.111.734.984	1.132.977.494	24.949.304.415
Mua sắm trong kỳ	-	500.000.000	-	500.000.000
T/lý, nhượng bán	-	-	373.271.000	373.271.000
Số cuối kỳ	5.704.591.937	18.611.734.984	759.706.494	25.076.033.415
Khấu hao				
Số đầu kỳ	4.029.165.613	16.317.798.228	577.170.222	20.924.134.063
Khấu hao trong kỳ	165.120.642	208.738.272	30.878.184	404.737.098
T/lý, nhượng bán	-	-	373.271.000	373.271.000
Số cuối kỳ	4.194.286.255	16.526.536.500	234.777.406	20.955.600.161
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	1.675.426.324	1.793.936.756	555.807.272	4.025.170.352
Số cuối kỳ	1.510.305.682	2.085.198.484	524.929.088	4.120.433.254

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 13.442.156.392 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/06/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	609.140.000	609.140.000
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	609.140.000	609.140.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	609.140.000	609.140.000
Số cuối kỳ	609.140.000	609.140.000

(*) Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 157 Tôn Đức Thắng, Thành phố Đà Nẵng, được sử dụng làm văn phòng Công ty.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	8.048.835	16.184.198
Cộng	8.048.835	16.184.198

15. Phải trả người bán

a) Ngắn hạn

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Đầu tư và PTGD Đà Nẵng	274.276.878	43.633.200
Công ty CP In và Vật tư Sài Gòn	82.847.500	152.086.000
Công ty TNHH TMDV Kỹ thuật Thành Thái	162.800.000	166.100.000
Công ty TNHH Cơ khí Hoàng Hà	86.074.924	86.074.924
Các đối tượng khác	207.379.514	126.372.560
Cộng	813.378.816	574.266.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/06/2016	01/01/2016
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	274.276.878	43.633.200
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	82.354.304	-
Công ty CP In và dịch vụ Đà Nẵng	4.490.000	-
Cộng	361.121.182	43.633.200

16. Thuế và các khoản nộp Nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	128.255.538	531.741.902	366.299.490	293.697.950
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.909.228	204.732.897	164.619.606	73.022.519
Thuế thu nhập cá nhân	1.089.428	50.963.640	44.306.468	7.746.600
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	162.254.194	790.438.439	578.225.564	374.467.069

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2016	01/01/2016
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.827.169	-
Kinh phí công đoàn	40.042.173	38.228.173
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12.151.750	10.655.500
Phải trả khác	189.683.660	116.195.038
Cộng	243.704.752	165.078.711

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2015	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	1.434.340.928
Tăng trong năm	-	-	-	-	1.142.638.197
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.316.464.000
Số dư tại 31/12/2015	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	1.260.515.125
Số dư tại 01/01/2016	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	1.260.515.125
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	844.543.882
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	1.234.185.000
Số dư tại 30/06/2016	18.049.800.000	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	870.874.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2016	01/01/2016
Vốn góp của Cty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục VN	3.816.000.000	3.816.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	12.639.800.000	12.639.800.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	1.594.000.000	1.594.000.000
Cộng	18.049.800.000	18.049.800.000

c. Cổ phiếu

	30/06/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu phổ thông	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	159.400	159.400
- Cổ phiếu phổ thông	159.400	159.400
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.645.580	1.645.580
- Cổ phiếu phổ thông	1.645.580	1.645.580
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	1.260.515.125	1.434.340.928
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	844.543.882	1.142.638.197
Phân phối lợi nhuận	1.234.185.000	1.316.464.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	1.234.185.000	1.316.464.000
- Trả cổ tức cho các cổ đông	1.234.185.000	1.316.464.000
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	870.874.007	1.260.515.125

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 01/ĐHCĐ ngày 03/04/2016 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2015 bằng tiền với tỷ lệ 7,5%/vốn điều lệ (tương ứng: 1.234.185.000 đồng). Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Doanh thu in ấn, cắt rọc	6.629.017.856	7.066.368.612
Doanh thu hoạt động khác	1.276.491.650	1.572.860.971
Cộng	7.905.509.506	8.639.229.583

20. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Giá vốn in ấn, cắt rọc	5.294.360.463	5.582.555.284
Giá vốn hoạt động khác	1.148.396.095	1.085.753.116
Cộng	6.442.756.558	6.668.308.400

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	492.619.502	560.908.882
Lãi bán các khoản đầu tư	1.673.800	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	48.415.600	3.784.800
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	7.876.150
Cộng	542.708.902	572.569.832

22. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Dự phòng tổn thất đầu tư	(8.084.480)	(12.662.525)
Chi phí tài chính khác	8.640	-
Cộng	(8.075.840)	(12.662.525)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí vận chuyển sách	10.124.590	14.689.799
Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	-	454.545
Các khoản khác	-	8.577.584
Cộng	10.124.590	23.721.928

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nhân viên quản lý	770.284.282	852.205.699
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	71.682.263	162.701.579
Chi phí trợ cấp mất việc làm	126.087.000	16.931.250
Các khoản khác	295.455.023	323.240.750
Cộng	1.263.508.568	1.355.079.278

24. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Thu nhập thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	154.545.455	-
Thu nhập từ bán phế liệu	197.873.986	7.897.699
Thu nhập từ cho thuê xe		7.161.290
Cộng	352.419.441	15.058.989

25. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí quản lý niêm yết, chốt danh sách cổ đông	20.000.000	17.500.000
Chi tổng kết cuối năm	11.300.000	21.600.000
Phụ cấp HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	11.400.000	-
Các khoản khác	347.194	3.844.251
Cộng	43.047.194	42.944.251

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.049.276.779	1.149.467.072
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(25.612.295)	47.659.451
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	22.803.305	51.444.251
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	48.415.600	3.784.800
Tổng thu nhập chịu thuế	1.023.664.484	1.197.126.523
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	204.732.897	239.425.305
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	204.732.897	239.425.305
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

27. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	844.543.882	910.041.767
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	844.543.882	910.041.767
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.645.580	1.645.580
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	513	553

28. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.107.970.830	1.270.127.432
Chi phí nhân công	4.240.210.038	4.398.762.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	404.737.098	412.556.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	679.301.852	438.630.074
Chi phí khác bằng tiền	203.415.003	310.518.992
Cộng	6.635.634.821	6.830.595.285

29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là in ấn sách giáo khoa và một bộ phận địa lý chính là Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

30. Quản lý rủi ro

a) Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b) Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không có giao dịch, số dư ngoại tệ và vay nợ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty là các đơn vị thành viên Nhà xuất bản và các khách hàng có mối quan hệ kinh doanh lâu dài. Bên cạnh đó, khả năng thu hồi nợ của Công ty là tương đối tốt, do đó Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	813.378.816	-	813.378.816
Phải trả khác	203.662.579	-	203.662.579
Cộng	1.017.041.395	-	1.017.041.395
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	574.266.684	-	574.266.684
Phải trả khác	126.850.538	-	126.850.538
Cộng	701.117.222	-	701.117.222

Công ty không có rủi ro trong thanh khoản, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.883.341.449	-	2.883.341.449
Đầu tư tài chính	1.000.000.000	720.774.570	1.720.774.570
Phải thu khách hàng	2.252.829.584	-	2.252.829.584
Phải thu về cho vay	10.076.183.229	-	10.076.183.229
Phải thu khác	47.840.570	-	47.840.570
Cộng	16.260.194.832	720.774.570	16.980.969.402
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.619.975.892	-	1.619.975.892
Đầu tư tài chính	1.000.000.000	715.816.290	1.715.816.290
Phải thu khách hàng	2.668.496.228	-	2.668.496.228
Phải thu về cho vay	10.076.183.229	-	10.076.183.229
Phải thu khác	29.021.655	-	29.021.655
Cộng	15.393.677.004	715.816.290	16.109.493.294

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại TP Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Mua hàng			
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	Sách giáo khoa	541.883.832	1.083.708.870
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Sách giáo khoa	515.141.060	551.211.100
Bán hàng			
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Đà Nẵng	Cung ứng sách	5.620.669.916	6.138.541.950
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD tại Đà Nẵng	Cung ứng sách	1.319.268.294	1.146.424.552
Công ty CP SGD tại TP Đà Nẵng	Cung ứng sách	204.378.285	240.625.629
Cho vay, thu hồi nợ vay			
Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	Lãi cho vay	419.861.294	504.477.253

c. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	176.404.400	157.802.733
Thù lao của Hội đồng quản trị	16.560.000	-

33. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2015. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.


Giám đốc

Nguyễn Thanh Tùng

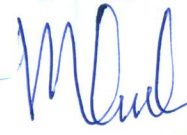
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 7 năm 2016

Kế toán trưởng



Đinh Châu Tâm Hạnh

Người lập biểu



Lê Quang Dĩnh Thạnh